

TOÀ ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/DS-ST.

Ngày: 18 - 4 - 2025.

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN D HUYỆN VĨNH LỘC - THANH HOÁ.

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Tường Vân

- Bà Mai Thị Trang

- *Thư ký phiên toà:* Ông Bùi Văn Tư – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc - tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa* tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 27/2024/TLST- DS ngày 03 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 và quyết định hoãn phiên toà số 03/2025/QĐST – DS ngày 21/3/2025 đối với các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị D - Sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh T.

Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Ngọc T – sinh năm 1980

Bà Hoàng Thị D1 – sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh T.

Vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2024, bản tự khai ngày 17 tháng 10 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn là bà Mai Thị D trình bày:

Ngày 20/11/2023, vợ chồng ông Phạm Ngọc T, bà Hoàng Thị D1 có vay bà Mai Thị D số tiền là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất là 1.500đồng/triệu/ngày, hạn đến ngày 30/11/2023 vợ chồng ông T, bà D1 phải trả cho bà D 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Nhưng đến hạn ông T, bà D1 không trả được nợ mà xin khất lại. Đến ngày 03/12/2023, ông T bà D1 đã trả cho bà D được 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và xin trả vào tiền gốc. Số tiền gốc còn lại và tiền lãi phát sinh ông T, bà D1 xin khất lại trả dần. Nhưng từ đó đến nay, vợ chồng ông T, bà D1 vẫn không trả nợ, cho dù bà D đã nhiều lần đòi nhưng ông T, bà D1 vẫn khất lần không chịu trả.

Ông T, bà D1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cố tình không trả khoản tiền nợ đã vay còn lại và lãi suất phát sinh. Vì vậy, bà D đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc xem xét giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà D1 phải trả cho bà D số tiền nợ gốc còn nợ lại là: 250.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng). Về tiền lãi: bà D đề nghị Tòa án buộc ông T, bà D1 phải có trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc đã vay còn lại là 250.000.000 đồng tính từ ngày 04/12/2023 cho đến khi trả nợ xong theo mức lãi suất mà pháp luật quy định là 1,66%/tháng.

Bị đơn ông Phạm Ngọc T, bà Hoàng Thị D1 sau khi thụ lý vụ án đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không lấy được lời khai của ông T, bà D1.

Tại Biên bản xác minh ngày 28/02/2025, Công an thị trấn V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa nơi ông Phạm Ngọc T, bà Hoàng Thị D1 đăng ký hộ khẩu thường trú cho biết: ông T, bà D1 có hộ khẩu thường trú tại khu phố T, thị trấn V. Ông T, bà D1 đi làm ăn xa nhưng thỉnh thoảng vẫn về địa phương.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa như sau:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng D sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị D buộc ông Phạm Ngọc T, bà Hoàng Thị D1 phải có trách nhiệm trả đầy đủ số tiền nợ gốc đã vay còn lại là 250.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 04/12/2023 cho đến khi trả nợ xong theo mức lãi suất mà pháp luật quy định là 1,66%/tháng.

- Về án phí: Ông Phạm Ngọc T, bà Hoàng Thị D1 phải chịu án phí D sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Do ông Phạm Ngọc T và bà Hoàng Thị D1 có vay nợ bà Mai Thị D số tiền là 350.000.000 đồng. Ông T, bà D1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà D khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ông T, bà D1 phải trả số tiền gốc đã vay còn lại là 250.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh. Bị đơn ông Phạm Ngọc T, bà Hoàng Thị D1 trú tại: khu phố T, thị trấn V, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng D sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Phạm Ngọc T, bà Hoàng Thị D1 đến Tòa án để làm bản tự khai nhưng ông T, bà D1 không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không có lời khai của ông T, bà D1. Tòa án đã tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng ông T, bà D1 không đến Tòa án. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt ông T, bà D1 và không tiến hành hòa giải được vụ án. Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho ông T, bà D1 theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T, bà D1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự khác đã giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và điều luật áp dụng: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Về khoản nợ gốc: Quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Ngọc T, bà Hoàng Thị D1 không đến Tòa án làm việc cho dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, căn cứ vào giấy vay nợ đề ngày 20/11/2023 thể hiện ông T, bà D1 có vay của bà D số tiền là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất 1.500 đồng/1 triệu/ngày, hạn ngày 30/11/2023 sẽ trả 200.000.000 đồng, nhưng đến ngày 03/12/2023 ông T, bà D1 mới trả cho bà D được 100.000.000 đồng. Như vậy, khẳng định đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn, có lãi. Ông T, bà D1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết. Do đó, bà Mai Thị D yêu cầu ông T, bà D1 phải trả cho bà D số tiền nợ gốc đã vay còn lại là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc ông Phạm Ngọc T, bà Hoàng Thị D1 phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Mai Thị D số tiền nợ gốc đã vay còn lại là 250.000.000 đồng phù hợp với quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về lãi suất: Trong giấy vay tiền đề ngày 20/11/2023, thể hiện lãi suất là 1.500 đồng/1 triệu/ngày. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà Mai Thị D khẳng định, ngoài số tiền 100.000.000 đồng ông T, bà D1 đã trả cho bà vào ngày 03/12/2023 được bà trừ vào số tiền nợ gốc đã vay thì ông T, bà D1 chưa trả tiền lãi phát sinh cho bà. Nay bà chỉ yêu cầu ông T, bà D1 phải có trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc đã vay còn lại là 250.000.000 đồng tính từ ngày 04/12/2023 cho đến ngày xét xử (ngày 18/4/2025) theo mức lãi suất mà pháp luật quy định là 1,66%/ tháng là phù hợp với khoản 1 Điều 468 BLDS nên được chấp nhận.

Từ ngày 04/12/2023 đến ngày 18/4/2025 là 16 tháng 14 ngày = 250.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 16 tháng 14 ngày = 68.336.000 đồng (sáu mươi tám triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Tổng cộng tiền gốc và lãi ông Phạm Ngọc T, bà Hoàng Thị D1 phải trả cho bà Mai Thị D là: 250.000.000 đồng + 68.336.000 đồng = 318.336.000 đồng (ba trăm mười tám triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị D được chấp nhận nên ông Phạm Ngọc T, bà Hoàng Thị D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% tương ứng với số tiền phải trả nợ là 318.336.000 đồng x 5% = 15.916.800 đồng. Trả lại cho bà Mai Thị D toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 210, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015. Khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị D.

Buộc ông Phạm Ngọc T, bà Hoàng Thị D1 phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Mai Thị D số tiền nợ gốc đã vay còn lại là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh là 68.336.000 đồng (sáu mươi tám triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Tổng số tiền cả gốc và lãi phải trả là: 318.336.000 đồng (ba trăm mười tám triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án tính từ ngày 19/4/2025, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Buộc ông Phạm Ngọc T, bà Hoàng Thị D1 phải nộp 15.916.800 đồng (mười lăm triệu chín trăm mười sáu nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho bà Mai Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006151 ngày 03/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi,

bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang